

Bản án số: **1209/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-9-2022

V/v Ly hôn giữa bà T
và ông H

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Lộc và bà Dương Triều Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 525/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 290/2022/QĐXXST-HNGĐ-HPT ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lưu Thị Cẩm T**, sinh năm 1982 (Có mặt);

Giấy chứng minh nhân dân số: 025588637;

Căn cước công dân số: 080182003697;

Địa chỉ thường trú/liên lạc: Số A đường B, Phường C, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Hoàng Vũ H**, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Giấy chứng minh nhân dân số: 023370103;

Căn cước công dân số: 079079001723;

Địa chỉ thường trú/liên lạc: Số A đường B, Phường C, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, bà Lưu Thị Cẩm T (sau đây gọi tắt là bà T) có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân Quận 8 yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hoàng Vũ H (sau đây gọi tắt là ông H).

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà T khai:

- Về việc quá trình kết hôn và chung sống: Bà T và ông H cùng tự nguyện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Phường C, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 147 ngày 26 tháng 8 năm 2002.

- Về con chung: Bà T và ông H có 03 (Ba) người con chung tên là Hoàng Lưu Tuấn H, giới tính: Nam, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2003; Hoàng Nh, giới tính: Nữ, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2007 và Hoàng Anh Th, giới tính: Nữ, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2016.

Về việc nuôi con: Bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (Hai) người con tên là Hoàng Nh và Hoàng Anh Th cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Nếu bà T được giao là người trực tiếp nuôi 02 (Hai) người con tên là Hoàng Nh và Hoàng Anh Th thì bà T không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với người con tên là Hoàng Lưu Tuấn H đã thành niên (đủ 18 tuổi), nên có quyền sống tự lập, có quyền tự theo cha hoặc theo mẹ.

- *Về tài sản chung*: Bà T và ông H không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung*: Bà T và ông H không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T khai về mâu thuẫn vợ chồng và yêu cầu khởi kiện ly hôn:

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông H không chung thủy với bà T, ông H không quan tâm chăm lo cho vợ con, thường xuyên vắng nhà thời gian dài; từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến gây gổ và tranh cãi với nhau làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con. Mâu thuẫn kéo dài nên vào năm 2016 bà T đã một lần làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 8 giải quyết ly hôn với ông H, sau đó bà T xin rút lại đơn khởi kiện vì lý do ông H không đến Tòa án để giải quyết ly hôn, mặt khác bà và ông H cũng cần có thêm thời gian để vợ chồng tự hòa giải đoàn tụ và để mong cho ông H thay đổi trở về nhà chung sống cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình chăm lo cho các con và Tòa án nhân dân Quận 8 đã Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án ly hôn giữa bà T và ông H theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 909/2017/QĐ-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017. Tuy nhiên, ông H đã không thay đổi mà tiếp tục thường xuyên vắng nhà từ cuối năm 2017 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H đã trầm trọng, tình cảm của bà đối với ông H không còn nữa, tình nghĩa vợ chồng cũng không còn; mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Bà T không thể chấp nhận với cách sống của ông H như hiện nay, bà T và ông H đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông H không có hạnh phúc, thiếu tình cảm, không sống chung, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã quá sức chịu đựng của bà T, nên nguyện vọng của bà là mong muốn được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống, chăm lo cho các con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H không đến Tòa án làm việc để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T, trình bày yêu cầu phản tố (nếu có), cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H.

Theo quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khi giải quyết vụ án ly hôn có yêu cầu nuôi con mà con chưa thành niên đủ 7 tuổi trở lên thì Tòa án phải xem xét nguyện vọng của con; Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu Hoàng Nh và được biết nguyện vọng của cháu muốn được chung sống cùng với mẹ.

Tại phiên tòa:

Bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông H, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H vì bà không còn tình cảm với ông H nữa, bà và ông H đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Bà T xác nhận và cam đoan là giữa bà và

ông H có 03 (Ba) người con tên là Hoàng Lưu Tuấn H, giới tính: Nam, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2003; Hoàng Nh, giới tính: Nữ, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2007 và Hoàng Anh Th, giới tính: Nữ, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2016; bà T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (Hai) người con chưa thành niên tên là Hoàng Nh và Hoàng Anh Th cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), nếu được giao là người trực tiếp nuôi con thì bà T không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con; đối với người con tên là Hoàng Lưu Tuấn H đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên có quyền sống tự lập, có quyền tự theo cha hoặc theo mẹ; bà T xác nhận và cam đoan là giữa bà và ông H không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung, không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung.

Bị đơn là ông H vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của ông H.

Về việc bị đơn (ông H) vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng dân sự gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn (ông H) theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn (ông H) vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử đã công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án sơ thẩm đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, 35, 36 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Ly hôn” đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác định tư cách người tham gia tố tụng của đương sự đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đảm bảo đúng quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96 và 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án đảm bảo đúng quy định tại các Điều 195, 196, 197 và 198 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thủ tục hòa giải đảm bảo đúng quy định tại các Điều 205, 206, 207, 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định tại các Điều 170, 171, 172, 173, 174, 175 và 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định (đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 239, 240, 241, 243, 247, 248, 249, 250, 254, 258, 260, 261 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử vụ án vắng mặt bị đơn (ông H) sau khi đã tổng đạt các văn bản tố tụng dân sự hợp lệ cho bị đơn (ông H) là đúng thủ tục tố tụng theo quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72, 199, 200 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa và căn cứ vào khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:

- *Về quan hệ tranh chấp*: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự về Hôn nhân và Gia đình tranh chấp “Ly hôn”.

- *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn có đăng ký thường trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn*: Trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án này, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn là ông H các văn bản tố tụng dân sự gồm có: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của ông H theo đúng quy định tại Điều 177, 196, 208, khoản 2 Điều 220 và khoản 3 Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn là ông H vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không rõ lý do.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà T và ông H chung sống vợ chồng từ năm 2002 và có đăng ký kết hôn đúng quy định nên hôn nhân của họ là hợp pháp. Bà T và ông H sống chung với nhau đến khoảng đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài cho đến nay, ông H thường xuyên vắng nhà, bà T và ông H đã ly thân từ năm 2017 đến nay; bà T cũng đã 01 lần nộp đơn ly hôn với ông H vào năm 2016. Cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông H không có hạnh phúc, thiếu tình cảm, không sống chung, không quan tâm đến nhau, bà T không còn tình cảm với ông H. Mặt khác ông H đã không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện “Ly hôn” của bà T; không đến Tòa án để cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia hòa giải, không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án; như vậy ông H đã không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà T.

Xét thấy hôn nhân của bà T với ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T, cho ly hôn giữa bà T và ông H căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về con chung*: Bà T xác nhận và cam đoan là giữa bà và ông H có 03 (Ba) người con chung tên là Hoàng Lưu Tuấn H, giới tính: Nam, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2003; Hoàng Nh, giới tính: Nữ, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2007 và Hoàng Anh Th, giới tính: Nữ, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2016; ông H không đến Tòa án để làm việc và giải quyết vụ án, nên không rõ ý kiến của ông H về con chung.

Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T xác nhận cả ba người con hiện nay đang sinh sống cùng với bà T và do bà trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), nếu được giao nuôi con thì bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; nguyện vọng xin được nuôi con của bà T là chính đáng, người con tên là Hoàng Nh cũng có nguyện vọng được sống chung cùng với bà T, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai người con tên là Hoàng Nh và Hoàng Anh Th cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); đối với người con tên là Hoàng Lưu Tuấn H đã thành niên (đủ 18 tuổi), nên có quyền sống tự lập, có quyền tự theo cha hoặc theo mẹ. Bà T được quyền nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông H cho đến khi bà T có yêu cầu.

- *Về tài sản chung*: Bà T xác nhận và cam đoan là giữa bà và ông H không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung*: Bà T xác nhận và cam đoan là giữa bà và ông H không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bị đơn là ông H đã không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, trình bày ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án thì coi như là ông H đã từ bỏ quyền được cung cấp chứng cứ và chứng minh trong tố tụng dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm.

[3] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 228, 232, 233, 235, 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thị Cẩm T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa bà Lưu Thị Cẩm T và ông Hoàng Vũ H.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 147 ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân Phường C, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung:* Giao 02 (Hai) người con tên là Hoàng Nh, giới tính: Nữ, sinh ngày 29 tháng 12 năm 2007 và Hoàng Anh Th, giới tính: Nữ, sinh ngày 09 tháng 01 năm 2016 cho bà Lưu Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Hoàng Vũ H cho đến khi bà Lưu Thị Cẩm T có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Bà Lưu Thị Cẩm T xác nhận và cam đoan là giữa bà và ông Hoàng Vũ H không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung:* Bà Lưu Thị Cẩm T xác nhận và cam đoan là giữa bà và ông Hoàng Vũ H không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Buộc bà Lưu Thị Cẩm T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước; được trừ vào số tiền mà bà Lưu Thị Cẩm T đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/ **0019584** ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lưu Thị Cẩm T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo và việc thi hành bản án:

Án xử công khai, nguyên đơn là bà Lưu Thị Cẩm T có mặt tại phiên tòa, bị đơn là ông Hoàng Vũ H vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do.

Nguyên đơn là bà Lưu Thị Cẩm T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bị đơn là ông Hoàng Vũ H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết (kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ), lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 8;
- Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8;
- Lưu Văn phòng và Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tường